

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST

Ngày 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Lâm

2. Ông Trịnh Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày 28/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn Bảo L (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1980 tại ĐN. Nơi đăng ký HKTT: Khu phố HĐ, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: Số nhà 526, Tổ 10, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: V Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Hà Thị L, sinh năm 1944; có vợ là Trương Thị N, sinh năm: 1987; bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006 và con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Dương Văn V, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN.

- Người làm chứng:

1. Vũ Xuân H, sinh ngày: 19/8/2000 (vắng mặt).

2. Dương Tấn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã PA, huyện TP, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 09/10/2017, Phạm Văn Bảo L điều khiển xe mô tô biển số 34F4 – 3326 đi từ rẫy của gia đình mình ở xã Phú An về nhà ở huyện ĐQ, tỉnh ĐN. Khi đi ngang qua rẫy của anh Dương Văn V (cùng ở xã Phú An), L thấy trong rẫy của anh V có trồng nhiều cây sầu riêng con nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định nhổ trộm cây đem về rẫy nhà trồng. L dừng, đậu xe mô tô sát bên lề đường rồi đi bộ vào rẫy anh V và nhổ trộm 32 cây sầu riêng con, mỗi cây cao 50cm, loại giống sầu riêng ghép Thái. Sau đó L gom cây vừa nhổ được cho vào 02 bao tải loại bao 50kg mà bị cáo đem theo để đựng cỏ, vác ra để lên yên sau xe, điều khiển xe mô tô đi ra hướng Quốc lộ 20 để về nhà. L đi được khoảng 30 phút, thì phát hiện phía sau có người đuổi theo nên L rẽ vào một con hẻm thuộc xã PX, huyện TP và bỏ lại 02 bao tải bên trong có 32 cây sầu riêng con xuống đường rồi điều khiển xe đi về nhà. Đến ngày 11/11/2017, Cơ quan điều tra công an huyện TP mời Phạm Văn Bảo L đến làm việc. Trong quá trình điều tra, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trị giá tài sản thiệt hại: Bản kết luận định giá tài sản số 71/KL.HĐĐGTS và Biên bản định giá tài sản ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện TP xác định 32 cây sầu riêng con, mỗi cây cao 50cm, loại giống sầu riêng ghép Thái trị giá 3.520.000đ. Toàn bộ số cây trên đã được trả lại cho anh Dương Văn V.

Cáo trạng số 17/CT-VKS-HS ngày 27/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN truy tố bị cáo Phạm Văn Bảo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả; bị hại có Đơn xin bãi nại. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Bảo L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Phạm Văn Bảo L mức án: từ 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo.

Về các biện pháp tư pháp:

Về phần bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường cho anh V số tiền 6.000.000 đồng, anh V đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm.

Xe mô tô biển số 34F4 – 3326 là tài sản của gia đình L, khi L sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản thì gia đình L không biết nên không tịch thu sung công.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 32 cây sầu riêng của của anh V vào ngày 09/10/2017. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho anh V. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với xã hội.

Trong quá trình điều tra bị hại trình bày: Vào ngày 09/10/2017, bị cáo L đã nhổ trộm 32 cây sầu riêng con của anh, anh đã nhận lại toàn bộ số cây này, bị cáo cùng đã bồi thường cho anh 6.000.000đ, anh đã làm đơn bãi nại cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 18 giờ ngày 09/10/2017, tại xã Phú An, huyện TP, tỉnh ĐN, Phạm Văn Bảo L có hành vi trộm cắp 32 cây sầu riêng con, mỗi cây cao 50cm, loại giống sầu riêng ghép Thái trị giá 3.520.000đ của anh Dương Văn V.

Như vậy, hành vi do bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ Luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Hành vi do bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Không chỉ trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã bị thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hậu quả và được bị hại có đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Là người có nhân thân tốt. Có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể hiện trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp bảo lãnh. Vì vậy, có đủ điều kiện xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

[5.1] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000đ, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm vì vậy không xem xét.

[5.2] Bị cáo sử dụng xe mô tô biển số 34F4 – 3326 làm phương tiện thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, đây là tài sản của gia đình bị cáo, gia đình không biết việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Bảo L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Bảo L 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn Bảo L cho Ủy ban nhân dân thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh ĐN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn Bảo L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Chủ tọa đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh ĐN;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh

